

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST
Ngày: 07-02-2023
“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Xuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Bờ
2. Ông Đoàn Văn Hiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Ông Huỳnh Hoàng Vũ – Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 205/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 491/2022/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lê Văn H, sinh năm 1968 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ 04, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Ông Trương Hoàng D, sinh năm 1981 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ B, ấp M, xã M, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 09/8/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Văn H trình bày:

Do quen biết nên ông có cho ông Trương Hoàng D vay tiền vào các lần cụ thể như sau:

- Ngày 22/02/2019 (âm lịch) ông D vay của ông 5.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, ông D đóng lãi được 02 tháng từ tháng 3/2019 đến tháng 4/2019 với số tiền là 600.000 đồng. Ngày 22/4/2019 (âm lịch) ông D tiếp tục vay thêm 5.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, ông D đóng lãi được 06 tháng (tính từ tháng 5/2019 đến tháng 11/2019) với số tiền là 3.600.000 đồng, cả hai lần vay này đều không thỏa thuận thời hạn trả, có làm biên nhận nợ ngày 22/02 (không ghi năm), mục đích vay để ông D có vốn cho người khác vay và làm ăn (kinh doanh mua bán hoa kiểng).

- Ngày 07/5/2019 (âm lịch) ông D vay của ông 5.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, ông D đóng lãi được 03 tháng từ tháng 6/2019 đến tháng 8/2019 với số tiền là 900.000 đồng. Ngày 07/8/2019 (âm lịch) ông D tiếp tục vay thêm 5.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, ông D đóng lãi được 03 tháng (tính từ tháng 9/2019 đến tháng 11/2019) với số tiền là 1.800.000 đồng, cả hai lần vay này đều không thỏa thuận thời hạn trả, có làm biên nhận nợ ngày 07/5/2019, mục đích vay để ông D có vốn cho người khác vay và làm ăn (kinh doanh mua bán hoa kiểng).

- Ngày 07/11/2019 (âm lịch) ông D vay của ông 10.000.000 đồng để ông D có vốn cho người khác vay và làm ăn (kinh doanh mua bán hoa kiểng), hai bên có làm biên nhận nợ, có thỏa thuận lãi suất 6%/tháng, không có thỏa thuận thời hạn trả, ông D không trả lãi và tiền vốn.

Tổng cộng ông D còn nợ ông số tiền vốn gốc 30.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu ông Trương Hoàng D phải trả cho ông một lần số tiền vốn vay tổng cộng 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng), yêu cầu tính lãi từ ngày 17/12/2021 cho đến ngày xét xử. Ngoài ra, đối với số tiền lãi ông D đã đóng với lãi suất 6%/tháng là vượt quá quy định của pháp luật nên ông đồng ý điều chỉnh lại theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Trương Hoàng D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có văn bản trình bày ý kiến về vụ án.

Tại phiên tòa,

- Ông Lê Văn H vẫn giữ nguyên yêu cầu ông Trương Hoàng D phải trả cho ông số tiền vốn vay 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng). Đồng thời, ông H yêu cầu ông D trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng theo mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng, tương đương 0,055%/ngày), tính từ ngày 17/12/2021 cho đến ngày xét xử (ngày 07/02/2023) và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông D trả xong nợ. Ngoài ra, đối với số tiền lãi của các lần vay ông đã nhận tổng cộng là 6.900.000 đồng, ông D đã đóng với lãi suất 6%/tháng

là vượt quá quy định của pháp luật nên ông đồng ý điều chỉnh lại theo quy định của pháp luật.

- Ông Trương Hoàng D vắng mặt tại phiên toà.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà, người tham gia tố tụng trong quá giải quyết vụ án và nêu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ và đúng quy định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H. Buộc ông Trương Hoàng D phải trả cho ông Lê Văn H số tiền vốn vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Đối với việc ông D đã trả cho ông H số tiền lãi tổng cộng là 6.900.000 đồng, với mức lãi suất 6%/tháng tương đương 72%/năm là vượt quá quy định của pháp luật, yêu cầu điều chỉnh lại và khấu trừ số tiền lãi đã vượt 4.979.000 đồng vào số tiền nợ gốc nêu trên, ông D còn phải trả cho ông H số tiền 25.021.000 đồng, tiền nợ gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật. Về án phí: Đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp dân sự - hợp đồng vay tài sản.

Bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Các đương sự đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ. Tại phiên toà nguyên đơn ông H có mặt, bị đơn ông D vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hợp đồng vay tài sản: Ông H khởi kiện yêu cầu ông D phải trả cho ông số tiền vốn vay 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là các biên nhận nợ ngày 22/02 (không ghi năm), ngày 07/5/2019 và ngày 07/11/2019 âm lịch do ông H viết, ông D có ký tên xác nhận. Về phía ông D Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông D vẫn không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình hoặc có ý kiến phản đối nội dung trình bày, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đây là những tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thấy rằng, căn cứ vào biên nhận nợ ngày 22/02 (không ghi năm) thể hiện “*Tôi tên Trương Hoàng D, năm sinh 1981, cư trú ấp M, xã M có vai số tiền 5.000.000đ, 5.000.000đ, tổng số mười triệu đồng chẵn, đúng ngày trả, lãi suất 6% ...*”, biên nhận nợ ngày 07/11/2019 âm lịch thể hiện “*Tôi tên Trương Hoàng D, năm sinh 1981, cư trú ấp M, xã M có vai số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng chẵn), đúng ngày trả, lãi suất 6%*” và biên nhận nợ ngày 07/5/2019 âm lịch thể hiện “*Tôi tên Trương Hoàng D, năm sinh 1981, cư trú ấp M có vai số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng chẵn), đúng ngày trả, lãi suất 6%* và biên nhận nợ ngày 07/5/2019 “*Hôm nay, ngày 7 tháng 5 năm 2019, tôi tên Trương Hoàng D, cư ngụ ấp M, xã M, có vay 5.000.000đ + thêm 5.000.000đ (mười triệu đồng chẵn), lãi suất 6% ..*”. Cả ba biên nhận này đều có chữ ký của ông Trương Hoàng D, có thể hiện số tiền vay, thể hiện lãi suất 6%. Từ đó, có cơ sở xác định giữa ông H và ông D có xác lập hợp đồng vay tài sản. Các hợp đồng vay này của ông H và ông D là những người có đủ năng lực hành vi dân sự giao kết hợp đồng, xác lập trên cơ sở tự nguyện, nội dung không vi phạm điều cấm và không trái pháp luật, hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Vì vậy, xác định hợp đồng này là hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, các bên phải thực hiện đúng nghĩa vụ của mình đã giao kết. Xét thấy, ông D đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo thỏa thuận nên ông H khởi kiện ông D yêu cầu trả tiền vốn vay là phù hợp với quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

[2.2] Về việc tính lãi: Ông Lê Văn H yêu cầu ông Trương Hoàng D trả tiền lãi đối với số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng theo mức lãi suất 20%/năm (tương đương 0,055/ngày), tính từ ngày 17/12/2021 cho đến ngày 07/02/2023. Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào các biên nhận được nêu trên đều thể hiện lãi suất 6%. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông H trình bày lãi suất thỏa thuận 6%/tháng. Về phía ông D vắng mặt, không cung cấp văn bản ý kiến của mình hoặc có ý kiến phản đối nội dung trình bày này của nguyên đơn. Xét thấy, hợp đồng vay giữa các bên là trường hợp vay có lãi và ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho ông H. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 466, Điều 468

của Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông H, cụ thể tiền lãi được tính như sau: $30.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\%/\text{ngày} \times 417 \text{ ngày} = 6.881.000 \text{ đồng}$ (đã làm tròn).

[2.3] Đối với việc ông D đã trả cho ông H số tiền lãi của các lần vay tổng cộng là 6.900.000 đồng với mức lãi suất 6%/tháng tương đương 72%/năm là vượt quá quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà thì nguyên đơn thừa nhận bị đơn có đóng tiền lãi, yêu cầu điều chỉnh lại, đồng ý khấu trừ vào số tiền vốn gốc còn nợ của bị đơn, yêu cầu này của nguyên đơn có lợi cho phía bị đơn nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Theo đó, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự lãi suất cho vay không được vượt quá 20%/năm, nên thỏa thuận lãi suất 72%/năm của các bên được điều chỉnh lại mức 20%/năm, tương đương 1,67%/tháng, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền vay 5.000.000 đồng, vay ngày 22/02/2019 (âm lịch), bị đơn đã đóng được 02 tháng (từ tháng 3/2019 đến tháng 4/2019) với số tiền là 600.000 đồng. Số tiền lãi trong hạn là $1,67\%/\text{tháng} \times 02 \text{ tháng} \times 5.000.000 \text{ đồng} = 167.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền lãi bị đơn đã đưa sau khi điều chỉnh là $600.000 \text{ đồng} - 167.000 \text{ đồng} = 433.000 \text{ đồng}$, số tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng bị đơn chưa trả.

- Đối với số tiền vay 10.000.000 đồng (tính tổng cả hai lần vay ngày 22/02/2019 âm lịch và ngày 22/4/2019 âm lịch), bị đơn đã đóng được 06 tháng (từ tháng 5/2019 đến tháng 11/2019) với số tiền là 3.600.000 đồng. Số tiền lãi trong hạn là $1,67\%/\text{tháng} \times 06 \text{ tháng} \times 10.000.000 \text{ đồng} = 1.002.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền lãi bị đơn đã đưa sau khi điều chỉnh là $3.600.000 \text{ đồng} - 1.002.000 \text{ đồng} = 2.598.000 \text{ đồng}$, số tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng bị đơn chưa trả.

- Đối với số tiền vay 5.000.000 đồng, vay ngày 07/5/2019 (âm lịch), bị đơn đã đóng được 03 tháng (từ tháng 6/2019 đến tháng 8/2019) với số tiền là 900.000 đồng. Số tiền lãi trong hạn là $1,67\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} \times 5.000.000 \text{ đồng} = 251.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền lãi bị đơn đã đưa sau khi điều chỉnh là $900.000 \text{ đồng} - 251.000 \text{ đồng} = 649.000 \text{ đồng}$, số tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng bị đơn chưa trả.

- Đối với số tiền vay 10.000.000 đồng (tính tổng cả hai lần vay ngày 07/5/2019 âm lịch và ngày 07/8/2019 âm lịch), bị đơn đã đóng được 03 tháng (từ tháng 9/2019 đến tháng 11/2019) với số tiền là 1.800.000 đồng. Số tiền lãi trong hạn là $1,67\%/\text{tháng} \times 03 \text{ tháng} \times 10.000.000 \text{ đồng} = 501.000 \text{ đồng}$. Như vậy, số tiền lãi bị đơn đã đưa sau khi điều chỉnh là $1.800.000 \text{ đồng} - 501.000 \text{ đồng} = 1.299.000 \text{ đồng}$, số tiền này sẽ được khấu trừ vào số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng bị đơn chưa trả.

Từ những phân tích nêu trên, bị đơn còn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay tổng cộng là 31.902.000 đồng (Ba mươi một triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng). Trong đó bao gồm: Tiền vốn vay: 25.021.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 17/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/02/2023) là 6.881.000 đồng.

[3] Về án phí:

Ông Lê Văn H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Do vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên ông Trương Hoàng D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn H. Buộc ông Trương Hoàng D phải trả cho ông Lê Văn H số tiền vay tổng cộng là 31.902.000 đồng (Ba mươi một triệu chín trăm lẻ hai nghìn đồng). Trong đó bao gồm: Tiền vốn vay: 25.021.000 đồng. Tiền lãi tính từ ngày 17/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/02/2023) là 6.881.000 đồng.

Kể từ ngày 08/02/2023 (ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm) cho đến khi thi hành án xong, ông Trương Hoàng D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (tức là ông D phải chịu lãi suất 30%/năm), tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Trương Hoàng D phải chịu 1.595.000đ (một triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng), tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê Văn H được nhận lại 750.000đ (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng), tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004790 ngày 28/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Trương Hoàng D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Châu Phú;
- Chi cục THADS huyện Châu Phú;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Văn phòng./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Cẩm Xuyên